

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VIỆT
VIỆT NHẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2023/CV-CBTT
V/v Công bố thông tin

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

Mã chứng khoán: VNH

Trụ sở chính: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP HCM.

Điện thoại: 083.7652475

Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tuyết Lan

Địa chỉ: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 083.7652475

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính năm 2022

Người thực hiện công bố thông tin

Cao Tuyết Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

2 - 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4 - 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6 - 7

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn

Chủ tịch

Ông Nguyễn Đức Huy

Thành viên

Bà Cao Tuyết Lan

Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2022 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành,



Nguyễn Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2022, các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của tiền mặt và tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2022.

Tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế của công ty là 76.595.333.039 đồng; một số khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán; Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra thông báo về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Trong thời gian này Công ty đang hoạt động thương mại cầm chừng, trong năm Công ty chỉ phát sinh doanh thu thương mại; các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản không có biến động lớn về số dư. Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 29/03/2022.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Trần Hồng Giang

Kiểm toán viên

Giấy ĐKHN kiểm toán số: 3893-2022-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.304.517.598	11.182.606.534
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.773.517.598	2.015.606.534
Tiền	111		1.773.517.598	2.015.606.534
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.531.000.000	9.167.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	13.075.402.650	11.645.402.650
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.000.000	126.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	9.351.807.879	9.351.807.879
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(11.956.210.529)	(11.956.210.529)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		367.537.604	478.586.213
Tài sản cố định	220		367.537.604	478.586.213
Tài sản cố định hữu hình	221	8	367.537.604	478.586.213
- Nguyên giá	222		840.486.091	840.486.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(472.948.487)	(361.899.878)
TỔNG TÀI SẢN	270		12.672.055.202	11.661.192.747

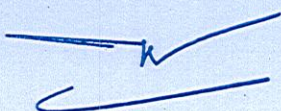
Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.427.823.393	6.347.823.393
Nợ ngắn hạn	310		7.427.823.393	6.347.823.393
Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	2.087.270.000	1.268.270.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	2.220.182.327	2.220.182.327
Phải trả người lao động	314		637.846.153	637.846.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	363.810.752	303.810.752
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.868.714.161	1.667.714.161
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	250.000.000	250.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.244.231.809	5.313.369.354
Vốn chủ sở hữu	410	14	5.244.231.809	5.313.369.354
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.230.710.000	80.230.710.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.608.854.848	1.608.854.848
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(76.595.333.039)	(76.526.195.494)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(76.526.195.494)	(77.428.577.585)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(69.137.545)	902.382.091
TỔNG NGUỒN VỐN	440		12.672.055.202	11.661.192.747

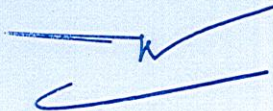
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

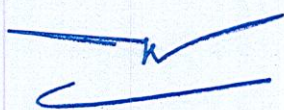
Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	1.430.000.000	4.590.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.430.000.000	4.590.000.000
Giá vốn hàng bán	11	16	1.020.000.000	3.060.000.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		410.000.000	1.530.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.064	35.000
Chi phí tài chính	22	18	60.000.000	60.000.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
Chi phí bán hàng	25	19	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	419.138.609	567.652.909
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(69.137.545)	902.382.091
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(69.137.545)	902.382.091
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(69.137.545)	902.382.091
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(9)	112

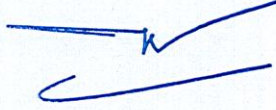
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

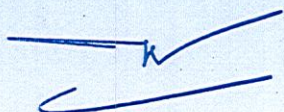
Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(69.137.545)	902.382.091
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		111.048.609	111.048.609
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.064)	(35.000)
Chi phí lãi vay	06		60.000.000	60.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.910.000	1.073.395.700
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.364.000.000)	(62.000.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.020.000.000	(15.903.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(242.090.000)	995.492.700
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.064	35.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.064	35.000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(242.088.936)	995.527.700
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.015.606.534	1.020.078.834
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.773.517.598	2.015.606.534

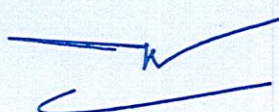
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302207804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 05 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 80.230.710.000 VND.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm từ thủy sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất hàng hóa thủy - hải sản và thực phẩm chế biến; Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất hàng hóa nông - lâm sản. Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất bao bì (không in, tráng bao bì kim loại tại trụ sở); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông - lâm sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn chè (không hoạt động tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công, lắp đặt thiết bị truyền thông. Thi công, lắp đặt thiết bị điện; Thi công, lắp đặt đường dây tải điện; Thi công, lắp đặt máy biến thế, biến áp; Thi công, lắp đặt đường dây cao thế, cao áp; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế của công ty là 76.595.333.039 đồng; một số khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán. Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra thông báo về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Trong thời gian này Công ty đang hoạt động thương mại cầm chừng. Do vậy trong năm Công ty chỉ phát sinh doanh thu thương mại; các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản không có biến động lớn về số dư. Tuy nhiên Ban lãnh đạo cam kết công ty sẽ tiếp tục cơ cấu bộ máy và tiếp tục hoạt động trong tương lai. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày theo giá định liên tục.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản**Thời gian sử dụng (năm)**

- Máy móc, thiết bị

05 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.075.402.650	(11.645.402.650)	11.645.402.650	(11.645.402.650)
- Oceanica Group International	11.645.402.650	(11.645.402.650)	11.645.402.650	(11.645.402.650)
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuân Xuân Huỳnh	1.430.000.000	-	-	-
Cộng	13.075.402.650	(11.645.402.650)	11.645.402.650	(11.645.402.650)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	9.351.807.879	(310.807.879)	9.351.807.879	(310.807.879)
- Tạm ứng	24.000.000	-	24.000.000	-
- Trần Thị Liên	310.807.879	(310.807.879)	310.807.879	(310.807.879)
- Công ty Cổ phần Ntaco	8.558.000.000	-	8.558.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	459.000.000	-	459.000.000	-
Cộng	9.351.807.879	(310.807.879)	9.351.807.879	(310.807.879)

Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 23.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND
- Oceanica Group International	11.645.402.650	-	11.645.402.650	11.645.402.650
- Trần Thị Liên	310.807.879	-	310.807.879	310.807.879
Cộng	11.956.210.529	-	11.956.210.529	11.956.210.529

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Máy móc thiết bị		Cộng	
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	840.486.091	840.486.091	840.486.091	840.486.091
31/12/2022	840.486.091	840.486.091	840.486.091	840.486.091
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2022	(361.899.878)	(361.899.878)	(361.899.878)	(361.899.878)
- Khấu hao trong năm	(111.048.609)	(111.048.609)	(111.048.609)	(111.048.609)
31/12/2022	(472.948.487)	(472.948.487)	(472.948.487)	(472.948.487)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2022	478.586.213	478.586.213	478.586.213	478.586.213
31/12/2022	367.537.604	367.537.604	367.537.604	367.537.604

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	2.087.270.000	2.087.270.000	1.268.270.000	1.268.270.000
- Công ty Cổ phần Ntaco	1.246.270.000	1.246.270.000	1.246.270.000	1.246.270.000
- Công ty TNHH Minh Anh An Giang	819.000.000	819.000.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000
Cộng	2.087.270.000	2.087.270.000	1.268.270.000	1.268.270.000

Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 23.1

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	2.176.023.839	-	-	-	-	-	2.176.023.839	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	44.158.488	-	-	-	-	-	44.158.488	-
	2.220.182.327	-	-	-	-	-	2.220.182.327	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	-	-	250.000.000	250.000.000
Ông Trần Văn Bình (i)	250.000.000	250.000.000	-	-	250.000.000	250.000.000
Cộng	250.000.000	250.000.000	-	-	250.000.000	250.000.000

(i): Vay ông Trần Văn Bình, số tiền vay: 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	363.810.752	303.810.752
- Lãi vay phải trả	182.810.752	122.810.752
- Chi phí dịch vụ phải trả	181.000.000	181.000.000
Cộng	363.810.752	303.810.752

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.868.714.161	1.667.714.161
- Kinh phí công đoàn	57.912.799	57.912.799
- Bảo hiểm xã hội	173.362	173.362
- Bà Nguyễn Thị Tám (i)	1.609.628.000	1.609.628.000
- Ông Nguyễn Thanh Sơn (ii)	201.000.000	-
Cộng	1.868.714.161	1.667.714.161

Phải trả khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 23.1*

- (i) Số tiền phải trả ông Nguyễn Văn Ôn và bà Nguyễn Thị Tám liên quan đến việc Ngân hàng thực hiện phát mãi tài sản bảo lãnh của bên thứ ba - Ông Nguyễn Văn Ôn và bà Nguyễn Thị Tám cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng mượn quyền sử dụng đất số 25/11/HĐ-VSC ngày 29/12/2011.
- (ii) Mượn tiền ông Nguyễn Thanh Sơn theo Hợp đồng mượn tiền số 01-2022/HĐMT ngày 01 tháng 12 năm 2022. Số tiền mượn: 201.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh một triệu đồng chẵn*). Thời hạn mượn từ ngày 01/12/2022 đến khi ông Nguyễn Thanh Sơn thông báo yêu cầu trả tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	80.230.710.000	1.608.854.848	(77.428.577.585)	4.410.987.263
- Lãi trong năm trước	-	-	902.382.091	902.382.091
31/12/2021	<u>80.230.710.000</u>	<u>1.608.854.848</u>	<u>(76.526.195.494)</u>	<u>5.313.369.354</u>
01/01/2022	80.230.710.000	1.608.854.848	(76.526.195.494)	5.313.369.354
- Lỗ trong năm nay	-	-	(69.137.545)	(69.137.545)
31/12/2022	<u>80.230.710.000</u>	<u>1.608.854.848</u>	<u>(76.595.333.039)</u>	<u>5.244.231.809</u>

14.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.023.071	8.023.071
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Doanh thu bán hàng	1.430.000.000	4.590.000.000
Cộng	1.430.000.000	4.590.000.000

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	1.020.000.000	3.060.000.000
Cộng	1.020.000.000	3.060.000.000

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.064	35.000
Cộng	1.064	35.000

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	60.000.000	60.000.000
Cộng	60.000.000	60.000.000

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	419.138.609	567.652.909
- Chi phí nhân viên quản lý	240.000.000	444.000.000
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	111.048.609	111.048.609
- Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	68.090.000	9.604.300
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	-	-
Cộng	419.138.609	567.652.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(69.137.545)	902.382.091
Các khoản chi phí không được khấu trừ	111.048.608	111.048.608
Tổng thu nhập chịu thuế trước chuyển lỗ Chuyển lỗ	41.911.063 (41.911.063)	1.013.430.699 (1.013.430.699)
Lợi nhuận tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(69.137.545)	902.382.091
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.023.071	8.023.071
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(9)	112

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty không cung cấp bất kỳ loại hàng hóa hay dịch vụ nào. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

23.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
- Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
- Công ty Cổ phần Ntaco	Ông Nguyễn Thanh Sơn là đồng chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Giao dịch với bên liên quan		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu tạm mượn		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	201.000.000	-
Số dư với các bên liên quan		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Ntaco	8.558.000.000	8.558.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Ntaco	1.246.270.000	1.246.270.000
Phải trả khác		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	201.000.000	-
Thu nhập Ban Giám đốc và thành viên HĐQT		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương của Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Đức Huy	-	72.000.000
Lương của Thành viên Hội Đồng Quản Trị	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn	96.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Đức Huy	84.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

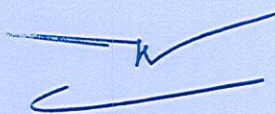
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

23.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

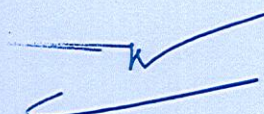
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn